

Mỏ Cày Nam, ngày 15 tháng 7 năm 2024

Số: 60/2024/QĐST- DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần D**. Địa chỉ: Tháp C, số X , phường Y, quận Z, Thành phố Hi. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Châu T1, sinh năm 1981. Chức vụ: Phó Giám đốc Phụ trách Phòng giao dịch N. Địa chỉ: Số Q, khu phố W, thị trấn M, huyện N, tỉnh B (văn bản uỷ quyền ngày 24/4/2024).

- *Bị đơn*: 1/ Ông **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp I, xã H, huyện N, tỉnh B; 2/ Bà **Nguyễn Thị Thu TR**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp L, xã J, huyện G, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Chí T2**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp I, xã H, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị Thu TR: Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp I, xã H, huyện N, tỉnh B (văn bản uỷ quyền ngày 03/7/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị Thu TR có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D số tiền nợ vay tính đến ngày 07/4/2024 là

963.908.416 đồng (chín trăm sáu mươi ba triệu chín trăm lẻ tám ngàn bốn trăm mười sáu đồng), trong đó nợ vay gốc là 891.550.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 07/4/2024 là 50.918.625 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 07/4/2024 là 21.439.791 đồng, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/9726268/HĐTD ký ngày 13/7/2022 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần D và ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Thị Thu TR, cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.07/2022/9726268/HĐTD ngày 15/5/2023 của Bên vay Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị Thu TR thì nợ vay gốc là 391.550.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.841.011 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.178.763 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.08/2022/9726268/HĐTD ngày 19/5/2023 của Bên vay Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị Thu TR thì nợ vay gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.169.041 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.522.535 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.09/2022/9726268/HĐTD ngày 29/6/2023 của Bên vay Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị Thu TR thì nợ vay gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.908.573 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.738.493 đồng.

- Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị Thu TR có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D tiền lãi, phí phát sinh tính từ ngày 08/4/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất, phí phát sinh được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/9726268/HĐTD ký ngày 13/7/2022 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần D và ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Thị Thu TR gồm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.07/2022/9726268/HĐTD ngày 15/5/2023 của Bên vay Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị Thu TR, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.08/2022/9726268/HĐTD ngày 19/5/2023 của Bên vay Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị Thu TR và Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.09/2022/9726268/HĐTD ngày 29/6/2023 của Bên vay Nguyễn Chí T, Nguyễn Thị Thu TR.

- Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị Thu TR có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D số tiền nợ vay tính đến ngày 07/4/2024 là 48.707.719 đồng (bốn mươi tám triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm mười chín đồng) theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số hợp đồng 9726268/03/13072022 ký ngày 13/7/2022 của Chủ thẻ chính Nguyễn Chí T.

- Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị Thu TR có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D tiền lãi, phí phát sinh tính từ ngày 08/4/2024 đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất, phí phát sinh được thỏa thuận tại Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số hợp đồng 9726268/03/13072022 ký ngày 13/7/2022 của Chủ thẻ chính Nguyễn Chí T.

- Trường hợp ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị Thu TR không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần D được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.250,7m², tọa lạc tại ấp An Khánh I, xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 01/2020/5464877/HĐBĐ ngày 17/6/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 01/2020/5464877/HĐBĐ ngày 17/6/2020 số:

01/2022/5464877/SĐBS ngày 13/7/2022 giữa Bên thế chấp ông Nguyễn Chí T2, bên được bảo đảm ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Thị Thu TR và bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại Cổ phần D để thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị Thu TR tự nguyện liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 21.189.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm tám mươi chín ngàn đồng).

+ Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 21.189.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm tám mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0005451 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần D – Chi nhánh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b);
- VKSND huyện MCN^(1b);
- Chi cục THADS H.MCN^(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre^(1b);
- Lưu HS, VP ^(3b). TC:8b.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu TR